

Số: 21 /2019/QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 06 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

Căn cứ Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật; trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;

Căn cứ Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Căn cứ Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 84/TTr-SVHTT ngày 18 tháng 7 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa và Thể thao, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động-Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Du lịch, Công Thương, Y tế, Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

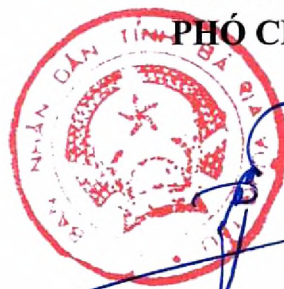
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ VHTTDL (Cục Văn hóa cơ sở);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VB);
- TTr.TU; TTr.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT.UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Đài PT-TH tỉnh, Báo BR – VT;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, SVHTT(10), VX3.



Trần Văn Tuấn

QUY CHẾ

Quản lý hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm
2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định các nội dung quản lý nhà nước, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng tại: nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, câu lạc bộ, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng, cửa hiệu, sân vận động, nhà thi đấu thể thao, quảng trường, cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh ăn uống, giải khát, hộ kinh doanh, hộ gia đình, tụ điểm “hát với nhau” và các địa điểm công cộng khác trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Các loại hoạt động văn hóa công cộng tại Quy chế này bao gồm: hoạt động giao lưu hát cho nhau nghe, ca hát với thiết bị âm thanh, sử dụng nhạc khiêu vũ kết hợp hiệu ứng âm thanh và ánh sáng, Beer Club, câu lạc bộ khiêu vũ ngoài công lập, các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và hình thức vui chơi giải trí khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi chung là doanh nghiệp, hộ kinh doanh) tổ chức hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng.

2. Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa tại nơi công cộng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Những hành vi nghiêm cấm trong hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng

1. Hoạt động kinh doanh không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoặc không có giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường theo quy định.

2. Có hành vi khiêu dâm, nhảy múa thoát y hoặc các hành vi khác trái với thuần phong mỹ tục; môi giới và mua bán dâm; mua, bán hoặc sử dụng trái phép các chất ma túy, tiền chất ma túy và các chất gây nghiện; các hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, trật tự xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống cháy nổ và gây ô nhiễm môi trường tại nơi kinh doanh hoặc địa điểm tổ chức các hoạt động văn hóa.

3. Các hành vi khác được quy định tại Điều 3 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng (viết tắt là Nghị định số 103/2009/NĐ-CP).

Chương II

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KARAOKE

Điều 4. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ karaoke

1. Phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Quy chế này. Thành phần hồ sơ thủ tục đề nghị cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường (viết tắt là Nghị định số 54/2019/NĐ-CP).

2. Thực hiện nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính tại thời điểm đề nghị cấp phép.

3. Thực hiện nghiêm các quy định tại Điều 3 Quy chế này và các quy định tại Điều 3 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP.

4. Thực hiện kinh doanh theo các quy định tại Điều 4, Điều 6 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP.

5. Các cơ sở lưu trú du lịch chưa được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp (như khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, làng du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, bãi cắm trại du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát, các cơ sở lưu trú du lịch khác) khi kinh doanh dịch vụ karaoke phải thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

6. Việc viết, đặt biển hiệu tại nơi kinh doanh của tổ chức, cá nhân nhằm giới thiệu tên gọi, địa chỉ giao dịch không phải xin phép, nhưng phải đảm bảo mỹ quan, an toàn phòng chống cháy nổ; nội dung và kích thước thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Quảng cáo.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động karaoke không nhằm mục đích kinh doanh

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động karaoke không nhằm mục đích kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 103/2009/NĐ-CP không phải đề nghị cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke nhưng phải thực hiện nghiêm các quy định sau:

1. Thực hiện nghiêm các quy định tại Điều 1 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP.

2. Không vi phạm các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Quy chế này.

3. Không vi phạm các quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 6 Điều 6 và khoản 1 Điều 7 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP.

4. Không được hoạt động từ 0 giờ sáng đến 8 giờ sáng.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke

1. Sở Văn hóa và Thể thao cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cho các loại hình doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tập trung của tỉnh - lĩnh vực Văn hóa và Thể thao.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép kinh doanh karaoke cho hộ kinh doanh.

Hộ kinh doanh gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện) trong trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền).

Chương III

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG VŨ TRƯỜNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA CÔNG CỘNG

Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh khi kinh doanh dịch vụ vũ trường

1. Phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 10 Quy chế này. Thành phần hồ sơ thủ tục đề nghị cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP.

2. Thực hiện nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính tại thời điểm đề nghị cấp phép.

3. Thực hiện nghiêm các quy định tại Điều 3 Quy chế này và các quy định tại Điều 3 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP.

4. Thực hiện kinh doanh theo các quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP.

5. Việc viết, đặt biển hiệu tại nơi kinh doanh của tổ chức, cá nhân nhằm giới thiệu tên gọi, địa chỉ giao dịch không phải xin phép, nhưng phải đảm bảo mỹ quan, an toàn phòng chống cháy nổ; nội dung và kích thước thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Quảng cáo.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động khiêu vũ không nhằm mục đích kinh doanh

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tổ chức khiêu vũ không nhằm mục đích kinh doanh trong nội bộ cơ quan, tổ chức mình hoặc tổ chức khiêu vũ tại Nhà văn hóa, Trung tâm Văn hóa, Trung tâm hội nghị, nhà hàng không phải đề nghị

cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường nhưng phải thực hiện các quy định sau:

a) Thực hiện nghiêm các quy định tại Điều 1 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP.

b) Không vi phạm các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Quy chế này.

c) Không vi phạm các quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 6 Điều 6 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP.

d) Không được hoạt động từ 0 giờ sáng đến 8 giờ sáng.

đ) Âm thanh không vượt quá quy định về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép;

e) Bảo đảm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và tài sản của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vũ trường.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh nhà hàng phục vụ ăn uống, giải khát có sử dụng nhạc khiêu vũ kết hợp hiệu ứng âm thanh và ánh sáng không thuộc quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP không phải đề nghị cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường nhưng phải thực hiện các quy định sau:

a) Chỉ được sử dụng bài hát đã được phép phổ biến, lưu hành; băng, đĩa đã dán nhãn kiểm soát theo quy định.

b) Âm thanh không vượt quá quy định về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép;

c) Không được hoạt động từ 0 giờ sáng đến 8 giờ sáng;

d) Bảo đảm an ninh, trật tự; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống cháy nổ theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động văn hóa công cộng

1. Thực hiện nghiêm các quy định tại Điều 1 Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP.

2. Không vi phạm các quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

3. Chỉ được sử dụng bài hát đã được phép phổ biến, lưu hành; băng đĩa đã dán nhãn kiểm soát theo quy định.
4. Âm thanh không vượt quá quy định về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép.
5. Bảo đảm an ninh, trật tự; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng chống cháy nổ theo quy định.
6. Không được hoạt động từ 0 giờ sáng đến 8 giờ sáng.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Văn hóa và Thể thao

1. Tổ chức, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động karaoke, vũ trường và thực hiện Quy chế quản lý hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
2. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với các doanh nghiệp; dịch vụ vũ trường đối với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.
3. Tổ chức tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn thực hiện quy định của pháp luật về kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường và các loại hình dịch vụ văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh.
4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương tiến hành kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng theo quy định của pháp luật.
5. Hướng dẫn Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện về công tác quản lý nhà nước về hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng tại địa phương.
6. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ công tác quản lý hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao trong việc cung cấp thông tin những doanh nghiệp có đăng ký hoặc thông báo ngành nghề kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường và các loại hình dịch vụ văn hóa công cộng khác.

2. Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm hoạt động kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường và các loại hình dịch vụ văn hóa công cộng khác trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng có hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn cho phép về tiếng ồn theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Chỉ đạo tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm đối với các cơ sở kinh doanh chuyên đổi công năng (mục đích sử dụng) để kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường không đảm bảo quy định; thực hiện các hoạt động quảng cáo tại cơ sở theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn các cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường và các loại hình kinh doanh dịch vụ văn hóa tại nơi công cộng trong việc sử dụng lao động, giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản và khai báo việc sử dụng lao động làm việc tại các cơ sở kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Công an tỉnh cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

2. Lập biên bản kiểm tra điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy đối với cơ sở kinh doanh karaoke, vũ trường và các loại hình kinh doanh dịch vụ văn hóa tại nơi công cộng theo quy định tại Thông tư số 47/2015/TT-BCA ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở kinh doanh vũ trường, karaoke.

3. Tổ chức thanh, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường và các loại hình dịch vụ văn hóa công cộng, kịp thời ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật của các cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, các sở, ban, ngành có liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, ngăn chặn, xử lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường, các dịch vụ văn hóa không đúng quy định hiện hành.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý các số điện thoại, thông tin quảng cáo trên các Website, trang thông tin điện tử của các tổ chức, cá nhân.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Du lịch

1. Chủ trì hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch chấp hành nghiêm các quy định về hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động dịch vụ văn hóa công cộng.

2. Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về hoạt động karaoke, vũ trường và các loại hình dịch vụ văn hóa công cộng tại các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Công Thương

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, bộ phận chuyên môn tổ chức kiểm tra, quản lý chặt việc buôn bán các loại hàng hóa tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường và các cơ sở kinh doanh loại hình văn hóa công cộng khác trên địa bàn tỉnh; kịp thời xử lý đối với các cơ sở có hành vi vi phạm về buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, giao nhận hàng cấm, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không đảm bảo chất lượng.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường và các loại hình dịch vụ văn hóa công cộng có kinh doanh dịch vụ ăn uống.

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, bộ phận chuyên môn tổ chức kiểm tra, xử lý kịp thời các cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường và các loại hình dịch vụ văn hóa công cộng không đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm chung của các Sở, ban, ngành

1. Các Sở, ban, ngành trong phạm vi, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao tham gia thực hiện quản lý hoạt động karaoke, vũ trường, các hoạt động văn hóa công cộng theo quy định quản lý chuyên ngành.

2. Phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao trong công tác tuyên truyền, tổ chức triển khai đến các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động karaoke, vũ trường, các hoạt động văn hóa công cộng thuộc lĩnh vực của ngành theo quy định tại Nghị định 103/2013/NĐ-CP các văn bản có liên quan và nội dung Quy chế này.

3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của ngành liên quan đến công tác quản lý hoạt động karaoke, vũ trường, các hoạt động văn hóa công cộng về Sở Văn hóa và Thể thao chậm nhất vào ngày 14 tháng 12 hàng năm, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cho các hộ kinh doanh theo thẩm quyền phân cấp quy định tại Điều 6 Quy chế này và sao gửi Giấy phép kinh doanh karaoke đã cấp về Sở Văn hóa và Thể thao để theo dõi, phối hợp quản lý.

2. Tổ chức quản lý và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng tại địa phương thực hiện đúng quy định của pháp luật.

3. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi gây mất an ninh trật tự, gây tệ nạn xã hội, gây ô nhiễm tiếng ồn, vi phạm công tác an toàn về phòng cháy chữa cháy trong hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tăng cường công tác quản lý, kiểm tra đối với hoạt động karaoke, vũ trường và các loại hoạt động văn hóa công cộng tại địa bàn để bảo đảm không ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày của người dân.

4. Báo cáo định kỳ 6 tháng, 01 năm việc quản lý hoạt động karaoke, vũ trường và các loại hoạt động dịch vụ văn hóa công cộng tại địa bàn gửi Sở Văn hóa và Thể thao và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh karaoke, vũ trường và các loại hình dịch vụ văn hóa công cộng trong phạm vi địa phương

theo thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện về các hoạt động kinh doanh karaoke, vũ trường và các loại hình kinh doanh dịch vụ văn hóa tại nơi công cộng thuộc phạm vi địa bàn quản lý.

2. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện các quy định của nhà nước về hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng và nội dung của Quy chế này trên địa bàn quản lý.

3. Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các hoạt động karaoke, khiêu vũ và các hoạt động văn hóa công cộng có hành vi vi phạm về địa điểm, thời gian, tiêu chuẩn độ ồn cho phép, an toàn giao thông, nếp sống văn minh đô thị; đồng thời thông báo cho Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện và Thanh tra Sở Văn hóa và Thể thao biết, để phối hợp xử lý vi phạm. Trong trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển biên bản vi phạm hành chính kèm theo các tài liệu có liên quan (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền xử phạt để xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm công tác quản lý, kiểm tra hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng tại địa bàn gửi Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, địa phương tổ chức thực hiện theo trách nhiệm được phân công tại Quy chế này.

2. Các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ 6 tháng (ngày 14/6), 01 năm (ngày 14/12) tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện công tác quản lý hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng theo trách nhiệm được giao báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Văn hóa và Thể thao) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quản lý hoạt động karaoke, vũ trường và các hoạt động văn hóa công cộng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa

- Vũng Tàu kịp thời tổng hợp, báo cáo, đề xuất thông qua Sở Văn hóa và Thể thao để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Tuấn